TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **46/2026**/DS - ST
Ngày **08** tháng **5** năm **2026**
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Quang
2. Bà Huỳnh Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST- DS ngày 06/4/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 37/2026/QĐST- DS ngày 23/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Lê Phương T - sinh năm: 1977; Căn cước công dân số 048177003… do Cục QLHCVTTXH cấp ngày 27/8/2021. Địa chỉ: 01 Nguyễn Đồng Chi, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm: 1978; Căn cước công dân số: 048078080…. do Cục QLHCVTTXH cấp ngày 09/5/2021. Địa chỉ: Thôn Phú Sơn Tây, xã Hoà Tiến (xã Hoà Khương cũ), thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung gửi đến Tòa án ngày 20/01/2026, bản tự khai, nội dung tại các phiên hòa giải và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Phạm Lê Phương T thể hiện:

Vào ngày 28/6/2022 ông Nguyễn Thái H có viết giấy mượn tiền và mượn của bà Phạm Lê Phương T số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), đồng thời cam kết sẽ trả số tiền mượn vào ngày 20/12/2022.

Tuy nhiên đến thời hạn cam kết trả nợ ông Nguyễn Thái H không thực hiện đúng cam kết tại giấy mượn tiền ngày 28/6/2022, mặc dù bà Phạm Lê Phương T đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng ông Nguyễn Thái H vẫn không trả.

Nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Lê Phương T, bà Phạm Lê Phương T yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Thái H phải trả số tiền còn nợ theo giấy mượn tiền ngày 28/6/2022 là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Đồng thời buộc ông Nguyễn Thái H phải thanh toán khoản tiền lãi chậm trả tính từ thời điểm vi phạm là tháng 01/2023 đến tháng 01/2026 với lãi suất 10%/năm là 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng).

Tổng cộng yêu cầu ông Nguyễn Thái H phải trả là 455.000.000đ (bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng).

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Thái H*:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Thái H, để biết việc bà Phạm Lê Phương T gửi đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền theo hợp đồng vay tiền ngày 28/6/2022 đến Tòa án. Đồng thời, Toà án đã thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định về việc đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đối với ông Nguyễn Thái H, nhưng ông Nguyễn Thái H không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại các phiên hoà giải cũng như hai lần mở phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Lê Phương T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Thái H phải trả số tiền đã vay theo giấy mượn tiền ngày 28/6/2022 và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Phú Sơn Tây, xã Hoà Tiến, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vì vậy Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Thái H tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Thái H vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thái H.

Về nội dung vụ án:

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung tại đơn trình bày và tranh tụng tại phiên tòa thể hiện:

Vào ngày 28/6/2022 ông Nguyễn Thái H có viết giấy mượn tiền và mượn của bà Phạm Lê Phương T số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), đồng thời cam kết sẽ trả số tiền mượn vào ngày 20/12/2022.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giấy mượn tiền ghi ngày 28/6/2022 do ông Nguyễn Thái H viết và ký nhận được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Thái H biết việc khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Thái H đã không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp chứng cứ để chứng minh đã trả một phần hay toàn bộ số tiền đã vay của nguyên đơn.

Như vậy, căn cứ giấy mượn tiền ngày 28/6/2022 do ông Nguyễn Thái H Viết và ký nhận thì ông Nguyễn Thái H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông ông Nguyễn Thái H phải trả cho bà Phạm Lê Phương T số tiền nợ gốc là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

[3] Tại phiên toà nguyên đơn bà Phạm Lê Phương T yêu cầu ông Nguyễn Thái H phải trả tiền lãi chậm trả tính từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 01 năm 2026 (tổng cộng là 36 tháng) theo lãi suất 10%/năm là 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn ông Nguyễn Thái H là người vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy mượn tiền ngày 28/6/2022, do đó bà Phạm Lê Phương T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thái H phải trả tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Lê Phương T để buộc ông Nguyễn Thái H phải trả lãi chậm trả là 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với số tiền mà Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Lê Phương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* của bà Phạm Lê Phương T đối với ông Nguyễn Thái H

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Thái H phải trả cho bà Phạm Lê Phương T số tiền 455.000.000đ *(bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng);* Trong đó, nợ gốc là 350.000.000 đồng; nợ lãi tính từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 01 năm 2026 là 105.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí Dân dự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc ông Nguyễn Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.200.000đ (*hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).*

- Hoàn trả cho bà Phạm Lê Phương T số tiền tạm ứng án phí 11.100.000đ *(mười một triệu một trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0000663 ngày 20/01/2026 tại Thi hành án dân sự, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 4 - Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hữu Khánh

TAND KHU VỰC 4
YJU080526.TL.QDBA
1216